



TRANG CORPORATION

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



*Nguyễn Minh Nguyệt*

[www.trangcorporation.vn](http://www.trangcorporation.vn)



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Trang

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303366525

Vốn điều lệ/Charter capital: 168.299.940.000 đồng

Địa chỉ: Lô A14b KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. HCM

Số điện thoại: (08) 37.800.900

Số fax: (08) 37.800.735

Website: [www.trangcorporation.vn](http://www.trangcorporation.vn)

Mã cổ phiếu: TFC

### Thông tin thành lập

Công ty Cổ phần Trang (Trang Corp) là thành viên của Trang Group - một Tập đoàn đa quốc gia với tiêu chí cung cấp thực phẩm chế biến chất lượng cao cho thị trường thế giới.

Trang Corp được thành lập vào tháng 07/2004 bởi Ông Hồ Văn Trung (hay còn gọi là Trang Hồ) cùng với những cổ đông sáng lập là người thân và bạn bè của Ông, đã xây dựng nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh để sản xuất những sản phẩm là thực phẩm đông lạnh từ thủy sản phục vụ thị trường xuất khẩu tại Châu Âu, Châu Mỹ và Châu Úc.

Là người sáng lập Trang Corp, với tiêu chí cung cấp những thực phẩm đông lạnh chất lượng cao cho thị trường thế giới, Ông Hồ Văn Trung là người tiên phong và đã gạt hái thành công trong sự nghiệp của mình. Xuất phát từ kinh nghiệm của một người quản lý nhà hàng ở Úc, Ông đã nhìn thấy thị trường rộng lớn cho các sản phẩm đông lạnh không chỉ ở Úc mà ở các nước phát triển khác ở Châu Âu và Mỹ. Trước khi xây dựng Trang Corp tại Việt Nam, Ông Hồ Văn Trung đã từng là Tổng Giám Đốc của Trang's Food Pty Ltd. tại Úc từ năm 1985. Do có kiến thức trong lĩnh vực cơ khí và kinh nghiệm điều hành Công ty sản xuất thực phẩm tại Úc, Ông Hồ Văn Trung đã đóng góp rất lớn trong quá trình xây dựng nhà máy Trang Corp. Khởi đầu với những khách hàng là các cửa hàng và các nhà hàng nhỏ trên phố, Trang Corp đã dần xây dựng được tên tuổi của mình, trở thành một nhà cung cấp uy tín cho hệ thống các siêu thị lớn ở Châu Âu, Châu Úc, Châu Mỹ cũng như những nhà thực phẩm hàng đầu thế giới.

### Quá trình phát triển

Kể từ khi thành lập năm 2004, với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Trang đã không ngừng phát triển về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tăng vốn điều lệ đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển. Qua 5 lần tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cổ đông bên ngoài, vốn điều lệ Công ty hiện nay đạt 168.3 tỷ đồng tăng 741.5% so với khi thành lập.

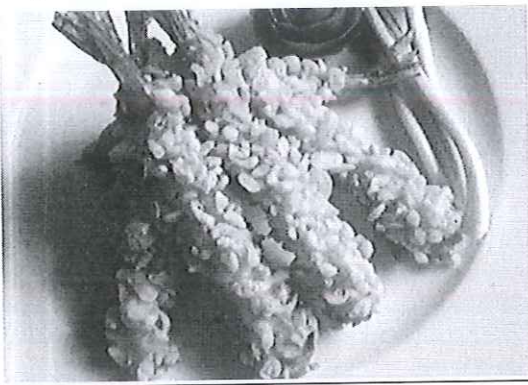
30  
CỔ  
CẢ  
H  
Đ

Ngày 13/11/2015, Công ty Cổ phần Trang đánh dấu bước phát triển mới khi được chấp thuận niêm yết trên sàn HNX với mã chứng khoán là TFC, chính thức trở thành công ty đại chúng.

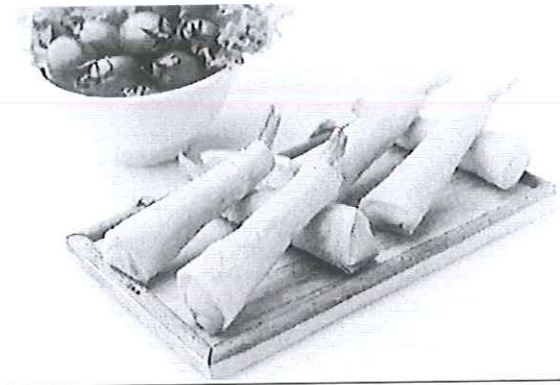
Ngày 03/12/2015: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Trang chính thức giao dịch trên sàn HNX với giá khởi điểm là 35.000 đồng/ cổ phiếu. Việc chính thức trở thành Công ty đại chúng là một bước ngoặt to lớn trong quá trình phát triển của Trang Corp, mở ra cơ hội quản bá doanh nghiệp đến khách hàng, đối tác và nhà đầu tư, tạo tiền đề cho việc gia tăng lợi thế cạnh tranh cũng như tiếp cận nguồn vốn không giới hạn cho việc đầu tư phát triển.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### Sản phẩm chính của công ty



TEMPURA PRAWN



FILO PRAWN



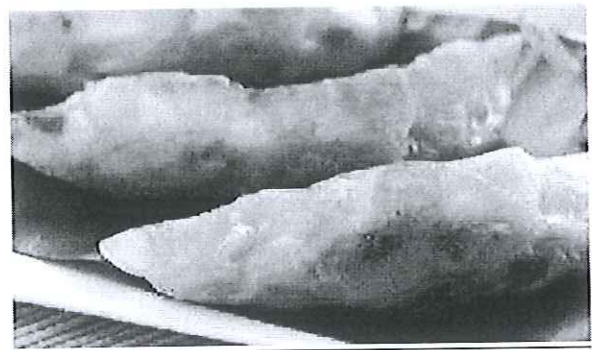
POTATO SHRIMP



SHRIMP AND VEGETABLE SPRING ROLL



BATTER FISH



PRAWN AND VEGETABLE GYOZA

**Địa bàn kinh doanh:** Công ty hiện đang kinh doanh rộng khắp các thị trường như Châu Âu, Mỹ, Úc và một số thị trường Châu Á khác như Nhật Bản, Singapore, Malaysia,...

Trong đó, thị trường chiếm doanh số xuất khẩu cao nhất là Châu Âu, Mỹ và Úc với tỷ lệ doanh số xuất khẩu trong năm 2023 như sau:

- Thị trường Châu Âu : 79.72%
- Thị trường Mỹ : 12.55%
- Thị trường Úc : 3.08%
- Thị trường khác : 4.65%

**Khách hàng chính:**



coles



Waitrose



TOYOTA TSUSHO

CO  
OP

Sainsbury's

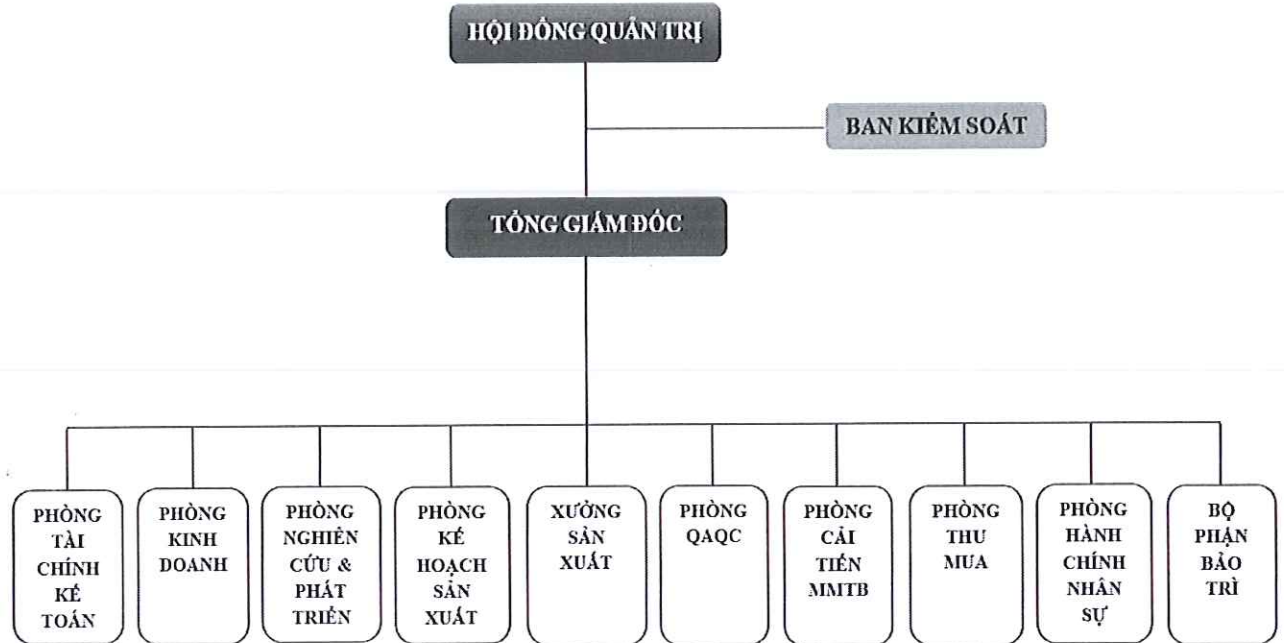
ASDA

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

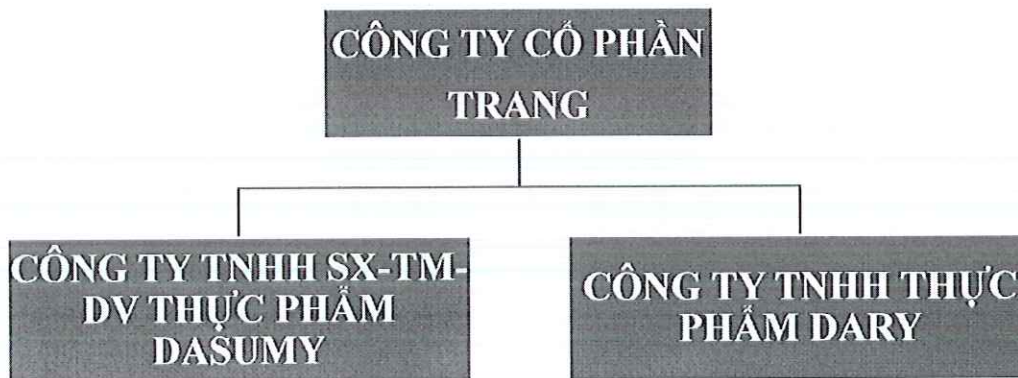
Công ty đang tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc/Tổng giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý cụ thể như sau:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG (TRANG CORP'S ORGANIZATION CHART)**



Các công ty con và công ty liên kết:



Địa chỉ: Lô D4 Đường N1 KCN Hiệp Phước,  
Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.  
Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thực phẩm:  
Bán buôn bánh, mứt, kẹo, sữa, socola

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng  
Tỷ lệ sở hữu: 75%

Địa chỉ: Lô D4 Đường N1 KCN Hiệp  
Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà  
Bè, TP. HCM.  
Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê  
kho lạnh; Gia công, chế biến và xuất  
khẩu thực phẩm.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng  
Tỷ lệ sở hữu: 45%

#### 4. Định hướng phát triển

HDQT và Ban điều hành Công ty đã vạch ra chiến lược phát triển trung và dài hạn với những mục tiêu cụ thể như sau:

- Tạo ra những sản phẩm riêng biệt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng mức cao nhất.
- Trở thành đối tác tin cậy trong ngành chế biến thực phẩm chất lượng cao.
- Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Một trong 05 công ty chế biến thực phẩm chuyên sâu có doanh thu cao nhất Việt Nam.
- Đảm bảo mức chia lợi tức cho cổ đông ở mức cao nhất so với với các công ty cùng lĩnh vực sản xuất.

#### 5. Rủi ro tiềm tàng

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn và thách thức cho nền kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung khi chiến tranh giữa Nga và Ukraina tiếp tục tác động đến giá dầu và các sản phẩm nông nghiệp như lúa mì, lúa mạch... Ngoài ra, tình hình nắng nóng kéo dài cũng ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023 là một bước ngoặt trong quá trình kinh doanh khi công ty mạnh dạn thay đổi cơ cấu sản phẩm, chọn lựa danh mục sản phẩm có lợi nhuận biên tốt để đẩy mạnh sản xuất. Cụ thể như sau:

a. Kết quả kinh doanh so với năm 2022 (ĐVT: Tỷ đồng)

Kết thúc năm 2023, Công ty Cổ phần Trang đạt mức doanh thu hợp nhất trên 782.53 tỷ đồng giảm gần 8% so với năm 2022; lãi sau thuế hợp nhất 52.1 tỷ đồng.

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022	THAY ĐỔI
1	Doanh thu BH và CCDV	782.53	850.19	-7.96%
2	Giá vốn hàng bán	648.41	740.97	-12.49%
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	133.90	109.16	22.67%
4	Doanh thu tài chính	17.36	17.36	0.04%
5	Chi phí tài chính	33.56	29.65	13.17%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	21.88	14.57	50.18%
6	Chi phí bán hàng	26.11	31.19	-16.31%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.55	35.62	19.48%
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	58.40	31.70	84.21%
9	Lợi nhuận khác	-0.08	0.29	-127.17%



10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.32	31.99	82.31%
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.23	2.30	170.68%
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.08	29.68	75.45%

b. Kết quả kinh doanh so với kế hoạch đề ra (ĐVT: Tỷ đồng)

Năm 2023, Công ty Cổ phần Trang chỉ đạt 84% kế hoạch về doanh thu nhưng vượt kế hoạch lợi nhuận hơn 64%.

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	KH 2023	% HOÀN THÀNH
1	Doanh thu BH và CCDV	782.53	935	84%
2	Giá vốn hàng bán	648.41		
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	133.90		
4	Doanh thu tài chính	17.36		
5	Chi phí tài chính	33.56		
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	21.88		
6	Chi phí bán hàng	26.11		
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.55		
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	58.40		
9	Lợi nhuận khác	-0.08		
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.32	35.529	164%
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.23		
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.08	30.2	172%

## 2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành: (tại ngày 31/12/2023)

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Trương Văn Quang	TGD	0.20%
2	David Ho	Giám đốc kinh doanh	22,94%
3	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Kế toán trưởng	0%

Trong năm 2023, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2023:

Tổng số lượng nhân sự Công ty: 453 người

Phân theo số lượng:

Công nhân trực tiếp sản xuất	: 303 người
Công nhân gián tiếp sản xuất	: 56 người
Nhân viên văn phòng	: 76 người
Cán bộ Quản lý	: 18 người

Phân theo trình độ:

Trên đại học	: 5 người
Đại học, cao đẳng	: 119 người
Trung cấp chuyên nghiệp	: 11 người
Lao động phổ thông	: 328 người

Phân theo giới tính:

Nam	: 198 người
Nữ	: 255 người

### 3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2023

Năm 2023, Công ty Cổ phần Trang không triển khai các hoạt động đầu tư lớn về thành lập công ty con, công ty liên kết hay thực hiện M&A các doanh nghiệp khác.

b. Hoạt động các công ty con và công ty liên kết

*DVT: TỶ ĐỒNG*

CHỈ TIÊU	DASUMY	DARY
Doanh thu	9.88	256.52
Lợi nhuận sau thuế	-0.89	20.78
Tổng tài sản	2.29	270.45

### 4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

*DVT: TỶ ĐỒNG*

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu thuần	772.66	838.77	-7.88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	59.14	29.42	101.00%
Lợi nhuận khác	0.07	0.29	-76.81%
Lợi nhuận trước thuế	59.21	29.72	99.25%
Lợi nhuận sau thuế	52.97	27.41	93.25%

b. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022
----------	----------	----------



<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.17	1.09
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.88	0.83
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.63	0.71
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1.69	2.39
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	5.07	5.33
+ Vòng quay tổng tài sản	1.13	1.18
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6.86%	3.27%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	20.85%	13.05%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7.77%	3.85%

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Thông tin cổ phần

THÔNG TIN CỔ PHẦN	
Vốn điều lệ đăng ký	168,299,940,000 đồng
Vốn thực góp của cổ đông	168,299,940,000 đồng
Tổng số lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết	16,829,994 cổ phần
Loại cổ phần	01 quyền/cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
Mệnh giá cổ phần phổ thông	10,000 đồng/cổ phần

### b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 14/04/2023)

	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Cổ đông lớn (&gt;=5%)</b>		
- Trong nước	2	39.18%
- Nước ngoài	2	28.88%
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
<b>Cổ đông nhỏ (&lt;5%)</b>		
- Trong nước	258	28.59%
- Nước ngoài	9	3.35%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>312</b>	<b>100%</b>
Trong đó:		
- Tổ chức	3	0.15%
- Cá nhân	264	31.79%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	NGÀY PHÁT SINH	VỐN TRƯỚC THAY ĐỔI	VỐN SAU THAY ĐỔI	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
1	31/01/2014	20 tỷ đồng	30 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 2:1)
2	29/06/2014	30 tỷ đồng	50 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 3:2)
3	10/03/2015	50 tỷ đồng	80 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần (Tỷ lệ 5:3)
4	26/06/2015	80 tỷ đồng	110 tỷ đồng	Phát hành bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 8:3). Giá phát hành 27.000 đồng/cổ phần
5	12/08/2016	110 tỷ đồng	168,3 tỷ đồng	Chia cổ tức bằng cổ phần từ lợi nhuận và thặng dư vốn

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: Không có

Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

e. Các chứng khoán khác

Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Tác động lên môi trường

- Chất thải và nước thải: đảm bảo kiểm soát nước thải và chất thải tuần hoàn.
- Khí thải: đảm bảo giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub> chống biến đổi khí hậu.
- Nước sạch: đảm bảo sử dụng nguồn nước sạch có trách nhiệm và tuần hoàn.
- Năng lượng: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng điện.

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Công ty sử dụng bao bì đóng gói trên nguyên tắc tối thiểu sử dụng chất thải nhựa, ưu tiên sử dụng bao bì giấy và bao bì tái chế.

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Điện năng trực tiếp và gián tiếp: 6,085,192 kW

### 6.4. Tiêu thụ nước

- Công ty sử dụng nguồn nước máy được cung cấp bởi Công ty CP KCN Hiệp Phước.
- Lượng nước tiêu thụ: 129,342 m<sup>3</sup>
- Tỷ lệ nước thải sản xuất được thu gom xử lý: 100%

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Chất thải và nước thải: Nước thải được thu gom và xử lý tại chỗ, đảm bảo chất lượng nước trước khi xả ra môi trường. Đối với chất thải rắn, công ty ký kết hợp đồng với Công ty môi trường để thu gom và xử lý theo quy định.

- Khí thải: Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phần lớn tiêu thụ điện năng, chỉ sử dụng nhiên liệu dầu DO đốt lò hơi với lượng tiêu thụ bình quân 6,100 lít/tháng.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty đảm bảo lợi ích cho người lao động thông qua các chính sách và chương trình sau:

- Lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh;
- Có chính sách đối với lao động gắn bó lâu dài;
- Chính sách, quy chế đối với người lao động được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, công khai, minh bạch;
- Không ngừng đào tạo, phát triển kiến thức và kỹ năng cho người lao động;
- Tạo môi trường làm việc năng động, mở rộng các mối quan hệ giao lưu học hỏi giữa người lao động.

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn theo đuổi phát triển trên cơ sở bền vững do đó trách nhiệm Công ty đối với địa phương luôn được chú trọng:

- Tạo công ăn việc làm cho 500 lao động tại địa bàn với nguồn thu nhập ổn định.
- Luôn đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ đối với địa phương.
- Tham gia các hoạt động từ thiện tại địa phương.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023

Thị trường xuất khẩu trong năm 2023

- Thị trường Châu Âu : 79.72%
- Thị trường Mỹ : 12.55%
- Thị trường Úc : 3.08%
- Thị trường khác : 4.65%

Tỷ trọng doanh số xuất khẩu trong năm 2023

- Nhóm sản phẩm từ tôm : 70.47%
- Nhóm sản phẩm từ cá : 2.50%
- Nhóm sản phẩm hỗn hợp hải sản : 1.04%
- Nhóm sản phẩm chay/ rau củ : 7.25%
- Nhóm sản phẩm khác : 18.78%

Trong điều kiện kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn sau khi trả qua đại dịch cũng như ảnh hưởng của chiến tranh Ukraina - Nga, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Tuy doanh thu hợp nhất chỉ đạt 782.53 tỷ đồng, giảm 8% so với năm 2022 nhưng lợi nhuận gộp hợp nhất trong năm 2023 tăng trưởng 23% so với năm 2022.

Thị trường xuất khẩu trong năm 2023 vẫn tập trung vào các thị trường truyền thống (UK, EU, Mỹ và Úc) với tỷ trọng doanh thu thị trường UK và EU chiếm 79.72%, Mỹ 12.55% và Úc 3.08%. Bên cạnh thị trường truyền thống, trong năm 2023 công ty tiếp tục duy trì nhóm khách hàng ở thị trường Châu Á.

### Tình hình tài chính

#### a. Tình hình tài sản (ĐVT: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022
Tổng tài sản	682.20	712.62
Doanh thu thuần	772.66	838.77
Vòng quay tổng tài sản	1.13	1.18
Lợi nhuận sau thuế	52.97	27.41

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 đạt 682.20 tỷ đồng, giảm 4.27% so với năm 2022. Cơ cấu tài sản có sự thay đổi khi tăng ở khoản mục dài hạn và giảm nhẹ ở khoản mục ngắn hạn. Vòng quay tổng tài sản trong năm 2023 đạt 1,13 lần, giảm nhẹ so với năm 2022.

Cơ cấu tài sản:

CHỈ TIÊU	Giá trị		Tỷ lệ	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Tài sản ngắn hạn	495.06	542.93	76.19%	72.57%
Tài sản dài hạn	187.14	169.69	23.81%	27.43%
Tổng tài sản	682.20	712.62	100%	100%

#### b. Tình hình nợ phải trả (ĐVT: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	Giá trị		Tỷ lệ	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
Nợ ngắn hạn	424.09	499.29	99.05%	99.35%
Nợ dài hạn	4.06	3.29	0.95%	0.65%
Tổng nợ	428.15	502.58	100%	100%

Năm 2023, Nợ phải trả đạt 428.15 tỷ đồng giảm 74.43 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 tương ứng với tỷ lệ giảm 14.81%. Cơ cấu nợ phải trả tập trung vào chủ yếu vào nợ ngắn hạn, chiếm 99.05% giảm 0,29% so với năm 2022. Nợ ngắn hạn trong năm 2023 giảm nhẹ, tăng nợ dài hạn do công ty vận dụng nguồn nợ vay dài hạn để đầu tư thêm máy móc thiết bị phục vụ việc mở rộng sản xuất.

## 2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty Cổ phần Trang tiếp tục tập trung vào sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang các nước phát triển, trong đó:

- Tập trung mở rộng hoạt động kinh doanh tại thị trường Mỹ và Canada, đặt mục tiêu nâng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu lên 35-40% vào năm 2025.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm Vegen và Gluten free rau củ đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng đối với nhóm thực phẩm tốt cho sức khỏe.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2023, Công ty Cổ phần Trang đạt doanh thu thuần hợp nhất 782,3 tỷ đồng hoàn thành 83,67% kế hoạch đề ra và đạt 92,02% so với cùng kỳ 2022. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 52,3 tỷ đồng tương ứng với hoàn thành 173,18% kế hoạch.

- Doanh thu 2023 chưa hoàn thành mức kế hoạch đề ra do còn ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, chiến tranh ở Ukraine, kinh tế thế giới chưa được khôi phục hoàn toàn. Bên cạnh đó tình hình kinh tế trong nước cũng gặp nhiều khó khăn, kim ngạch xuất khẩu cả nước giảm ảnh hưởng đến doanh thu chung của Doanh nghiệp.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 vượt kế hoạch đề ra, do trong năm 2023, Công ty cố gắng giữ các đơn hàng có biên lợi nhuận tốt, thay đổi cơ cấu sản phẩm, tổ chức bộ máy quản lý hiệu quả hơn. Bên cạnh đó kiểm soát chi phí đầu vào năm 2023 ổn định và tối ưu hóa được chi phí trong sản xuất.

Tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm, đồng lòng của toàn thể CBCNV, Hội đồng Quản trị đánh giá cao và ghi nhận kết quả mà Ban lãnh đạo cùng với Tập thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực đạt được trong năm qua.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

HĐQT đánh giá năm 2023 là một năm thách thức khi tình hình kinh tế thế giới có thể rơi vào suy thoái, sự bất ổn của hệ thống tài chính ngân hàng, nhiều Doanh nghiệp đang đứng trước rủi ro rất lớn nhưng HĐQT đánh giá cao nỗ lực không ngừng của Ban điều hành và CBCNV đã tận dụng cơ hội để phát triển và vượt qua khó khăn.

### 3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Về kế hoạch phát triển kinh doanh trong năm 2024 và những năm tiếp theo, HĐQT và Ban TGD đánh giá tiềm năng gia tăng xuất khẩu vào thị trường UK, EU và đặc biệt là Mỹ rất lớn, về mặt hàng sản phẩm ưu tiên phát triển các mặt hàng chủ lực và ổn định quanh năm.

Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo của HĐQT và Ban TGD là nâng cao tinh thần tự động hóa và cơ khí hóa trong sản xuất, hoàn thiện cơ cấu tổ chức hiệu quả hơn, tổ chức kiểm soát tốt chi phí và chất lượng sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NĂM SINH	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
---------	--------	----------	--------------------

Chủ tịch HĐQT	Bà Nguyễn Minh Nguyệt	1956	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1980-1990 Giám đốc quản lý chất lượng tại Công ty sản xuất Kem Street - Úc.</li> <li>- Từ 1990 - 2005 Giám đốc nhà máy sản xuất thực phẩm Trangs Food Pty Ltd - Úc.</li> <li>- Từ 2005-T9/2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang - Việt Nam.</li> <li>- Từ T9/2015-T07/2017: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc.</li> <li>- Đến 29/06/2017: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Trang.</li> <li>- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Trang.</li> </ul>
Thành viên HĐQT	Ông Trương Văn Quang	1976	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 01/2000 đến tháng 01/2002: Nhân viên quản lý chất lượng Công ty COFIDEC.</li> <li>- Từ tháng 02/2002 đến tháng 09/2006: Quản đốc xưởng Công ty COFIDEC.</li> <li>- Từ tháng 10/2006 đến tháng 02/2017: Quản đốc xưởng Công ty CP Trang.</li> <li>- Từ tháng 03/2017 - 07/2019: Phó Giám đốc điều hành Công ty CP Trang.</li> <li>- Từ tháng 07/2019 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang.</li> </ul>
Thành viên HĐQT	Bà Susan Ho	1980	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2003 đến năm 2019: Giám đốc bộ phận - Macquarie Group (Úc)</li> <li>- Từ năm 2020 đến năm 2022: Giám Đốc Lawhill Advisory Pty Ltd</li> <li>- Từ 07/2022 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Trang</li> </ul>
Thành viên HĐQT	Ông David Ho	1985	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 01/01/2013 – 31/12/2005 Trưởng phòng quản lý kinh doanh Trangs Food Pty Ltd. chuyên phân phối hàng hóa thực phẩm - Úc</li> <li>- Từ 01/01/2006 - 31/12/2008 Giám đốc quản lý Trangs Food Pty Ltd. chuyên phân phối hàng hóa thực phẩm - Úc</li> <li>- Từ 01/01/2009 - 2013 Giám đốc quản lý kiêm Giám đốc kinh doanh quốc tế Công ty chế biến thực phẩm Trangs Food – Úc</li> <li>- Từ 09/2015 - Thành viên HĐQT Công ty CP Trang</li> </ul>

 03  
 01  
 01  
 01

Thành viên HĐQT	Ông Võ Thiên Chương	1980	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2007 đến năm 2011: Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc chi nhánh.</li> <li>- Từ năm 2003 đến năm 2007: Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&amp;A, kế toán trưởng, Trợ lý kiểm toán</li> <li>- Từ 2003 - 2007 KTT, Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam</li> <li>- Từ 2012 - 2017 Thành Viên BKS Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh</li> <li>- Đến 01/05/2017: CFO Công ty CP Trang</li> <li>- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Trang</li> </ul>
Thành viên HĐQT	Ông Huỳnh Khánh Hiếu	1974	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 1995 - 2002: Công ty Kiểm toán AFC Sài Gòn.</li> <li>- Từ 2002 - 2005: Công ty Kiểm toán DTL</li> <li>- Từ 2005 - 2006: Công ty Kiểm toán Quang Minh</li> <li>- Từ 2006 - Nay: Đầu tư tài chính</li> <li>- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Trang</li> </ul>
Thành viên HĐQT	Ông Trần Quang Phú	1988	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tháng 06/2019 đến tháng 10/2020: Trưởng phòng Nguồn vốn Cty TNHH MTV Đầu Tư DHA.</li> <li>- Từ tháng 11/2020 đến tháng 05/2021: Giám Đốc chuyên đổi Khối Chiến lược kiêm Trợ lý Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn</li> <li>- Từ tháng 10/2022- Nay: Giám đốc Công ty TNHH Tư Vấn Realism</li> <li>- Từ tháng 06/2023 - Nay: Thành viên HĐQT Cty CP Trang</li> </ul>
Thành viên HĐQT	Bà Kim Ngoc Nguyen	1995	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2017 đến năm 2023: Giám Đốc Trung tâm liên lạc - Perpetual Limited (Úc)</li> <li>- Từ tháng 07/2023: Thành viên HĐQT Cty CP Trang</li> </ul>

#### b. Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT đã thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông: HĐQT đã phối hợp với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Đại hội đã thông qua các nghị quyết quan trọng của công ty, trong đó có kế hoạch sản xuất

kinh doanh năm 2023.

- Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quyết định của HĐQT: HĐQT đã giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quyết định của HĐQT. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tiến độ thực hiện các nghị quyết và quyết định này tại các cuộc họp HĐQT định kỳ.
- Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch: HĐQT đã giám sát việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tại các cuộc họp HĐQT định kỳ.
- Thực hiện chiến lược, mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế liên quan: HĐQT đã giám sát việc thực hiện chiến lược, mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế liên quan của Ban Tổng Giám đốc. Theo đó, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để thảo luận và đánh giá việc thực hiện các nội dung này.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập: HĐQT đã phối hợp với Ban Tổng Giám đốc để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho công ty. Theo đó, HĐQT đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và kinh nghiệm.
- HĐQT đảm bảo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc luôn chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam

Ngoài ra, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành chủ động tìm hiểu, giám sát, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình thực hiện, thủ tục, quy định của pháp luật đối với giao dịch của người có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 46 điều 4 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các cuộc họp HĐQT trong năm 2023:

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	BBH số 01/VCB-TFC	09/03/2023	- Chấp thuận hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
2	01/2023/NQ_HĐQT	16/03/2023	- Chấp thuận gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
3	02/2023/NQ_HĐQT	17/03/2023	- Chấp thuận hạn mức tín dụng của Ngân hàng BPCE IOM – CN HCM
4	BBH số 02/VTB-TFC	10/06/2023	- Chấp thuận hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
5	BBH số 03/MBB-TFC	22/08/2023	- Chấp thuận hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Quân Đội
6	BBH số 04/TPB-TFC	02/10/2023	- Chấp thuận hạn mức tín dụng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong
7	10/23/NQ/HĐQT-TFC	20/10/2023	- Thông qua chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt



8	BBH số 05/Standard-TFC	31/10/2023	- Chấp thuận hạn mức tín dụng của Ngân hàng Standard Chartered
---	------------------------	------------	--

## 2. Ban Kiểm soát

### a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NĂM SINH	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Trưởng BKS	Bà Vũ Thị Minh Chiến	1954	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ 2003 - 2005: Phó giám đốc Công ty kinh doanh hàng TTVN (Công ty dệt may Việt Nam)</li><li>- Từ 2005 - 2009: Giám đốc Hành chính nhân sự Công ty CP Trang</li><li>- Từ 2009 - 2015: Giám đốc điều hành Công ty CP Trang</li><li>- Từ 2015 - Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Trang</li></ul>
Thành viên BKS	Bà Tô Lệ Minh		<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ năm 2000-2010: Công ty cổ phần Tân Tân</li><li>- Từ 2011: Trưởng phòng kế toán, điều phối kinh doanh Cty TNHH Hùng Long Việt</li><li>- Từ 2012-2014: Kế toán giá thành Công ty Cổ phần Trang</li><li>- Từ 2015 – nay: Trưởng phòng kế hoạch sản xuất Công ty CP Trang</li><li>- Từ 2022 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Trang</li></ul>
Thành viên BKS	Bà Nguyễn Bích Thuận		<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ năm 1984 đến 2021: Kế toán tổng hợp Công ty Bìa Sài Gòn</li><li>- Từ 2022 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Trang</li></ul>

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị trong kỳ, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
  - Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2023;
  - Giám sát việc thực hiện Công bố thông tin theo quy định;
  - Kiến nghị HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm 2023;
  - Theo dõi, đánh giá sự độc lập, khách quan của đơn vị kiểm toán độc lập và hiệu quả của tiến trình kiểm toán.
- BKS đảm bảo thực hiện theo đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn được quy định trong Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty Cổ phần Trang.

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	2/2	100%	
2	Bà Tô Lệ Minh	Thành viên	2/2	100%	
3	Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên	2/2	100%	

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán**

a. Thu nhập Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2023.

CHỨC VỤ	HỌ TÊN	THU NHẬP
Chủ tịch HĐQT	Bà Nguyễn Minh Nguyệt	144.000.000
TV HĐQT - TGD	Ông Trương Văn Quang	1.438.577.000
TV HĐQT	Bà Nguyễn Minh Tâm	39.000.000
TV HĐQT	Ông David Hồ	305.500.000
TV HĐQT	Bà Susan Hồ	79.800.000
TV HĐQT	Ông Võ Thiên Chương	79.800.000
TV HĐQT	Ông Huỳnh Khánh Hiếu	79.800.000
TV HĐQT	Ông Trần Quang Phú	39.000.000
TV HĐQT	Bà Kim Ngọc Nguyên	39.000.000
Trưởng BKS	Bà Vũ Thị Minh Chiến	311.904.000
TV BKS	Bà Nguyễn Bích Thuận	36.000.000
TV BKS	Bà Tô Lệ Minh	544.510.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Trong năm 2023, phát sinh các giao dịch sau:

Từ ngày 21/12/2023 đến 26/12/2023: Ông Võ Thiên Chương – Thành viên HĐQT thực hiện bán 20.000 cổ phiếu (Số lượng đăng ký bán là 20.000 cổ phiếu).

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Hợp đồng giữa Công ty CP Trang với thành viên Hội đồng quản trị:

	2023	2022
Đi vay	3.000.000.000	9.515.000.000
Chi phí lãi vay	633.698.629	564.355.280

Hợp đồng giữa Công ty CP Trang với Công ty TNHH Thực phẩm Dary:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Nội dung hợp đồng
1	01-04/2022TFC-DR	01/04/2022	Hợp đồng vay



2	02-2023/HĐGC-DR-TR	30/12/2022	Dary gia công tôm
3	03-2023/HĐGC-DR-TR	30/12/2022	Dary gia công thành phẩm và bán thành phẩm
4	2023.10/TFC-DARY/THUEMAY	01/10/2023	Hợp đồng cho thuê máy
5	HĐDVTK-TR-DR 01-2023/08	30/12/2022	Hợp đồng dịch vụ thuê kho
6	HĐDVTK-TR-DR 01-2023/06	30/12/2022	Hợp đồng dịch vụ thuê kho lạnh
7	01.07/2020/TFC-DARY	01/07/2020	Hợp đồng nguyên tắc cung ứng tôm nguyên liệu và dịch vụ kho lạnh
8	150822	15/08/2022	Hợp đồng cho mượn tài sản

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 39

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trang hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303366525, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 41221000651, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (84 – 28) 37 800 933
- Fax : (84 – 28) 37 800 735

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến thủy, hải sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Sản xuất, chế biến cà phê, trà;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản và thực phẩm. Mua bán thực phẩm công nghệ. Mua bán cà phê, trà;
- Mua bán trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản biển và nội địa;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyển giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh nhà ở, văn phòng;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Mua bán sản phẩm dệt – may, quần áo may sẵn;
- Mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Sản xuất phần cứng máy tính;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Gia công đóng gói bao bì: cà phê, trà;
- Sản xuất, chế biến nông, lâm sản;
- Mua bán cao su, nguyên phụ liệu sản phẩm dệt – may;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông David Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Trương Văn Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Bà Susan Ho	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022
Ông Kim Ngọc Nguyễn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Quang Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022

**Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Trương Văn Quang (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019).

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019).

Bà Nguyễn Minh Nguyệt đã ủy quyền cho Ông Trương Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 002/2021/UQ-TFC ngày 25 tháng 8 năm 2021.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

---

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Nguyễn Minh Nguyệt**  
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2024





# A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St, Tân Bình Dist, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kltv@a-c.com.vn  
Branch in Hà Nội : 49 Ông Trọng St, Đống Đa Dist, Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 hntv@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : 1et SĐHC 001, St 13 Lê Thị Công Nhân, Nha Trang City, Vietnam Tel: +81 (0258) 246 5151 hntv@a-c.com.vn  
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Thị Ngọc St, Cái Răng Dist, Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4935 ktv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0676/24/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

Lê Thị Thu Hiền

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0095-2023-008-1

Người được ủy quyền

Lương Anh Vũ

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1832-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>495.061.616.075</b>	<b>542.933.471.854</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>42.319.704.747</b>	<b>62.452.741.809</b>
1. Tiền	111	V.1	42.319.704.747	62.452.741.809
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>86.600.875.751</b>	<b>84.867.683.382</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	299.500.000	299.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	86.301.375.751	84.568.183.382
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>237.135.903.059</b>	<b>258.797.418.535</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	214.153.677.729	246.351.734.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	730.917.377	2.276.293.208
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	7.250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	22.571.360.333	3.103.356.705
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(320.052.380)	(183.965.986)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>123.315.832.082</b>	<b>130.462.194.251</b>
1. Hàng tồn kho	141		126.239.360.196	130.462.194.251
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.923.528.114)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.689.300.436</b>	<b>6.353.433.877</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.761.805.568	2.185.018.929
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.927.494.868	4.168.414.948
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>187.143.455.592</b>	<b>169.688.049.096</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>134.577.275.045</b>	<b>128.549.239.718</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	63.346.720.000	63.346.720.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	71.230.555.045	65.202.519.718
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.990.668.852</b>	<b>31.367.957.192</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	24.059.034.287	24.385.400.529
- Nguyên giá	222		89.633.970.200	85.886.871.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.574.935.913)	(61.501.470.477)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	9.852.864.041	6.886.906.735
- Nguyên giá	225		11.032.234.798	7.428.609.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.179.370.757)	(541.703.063)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	78.770.524	95.649.928
- Nguyên giá	228		481.350.800	481.350.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(402.580.276)	(385.700.872)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.980.220</b>	<b>36.122.411</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	40.980.220	36.122.411
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>14.229.152.344</b>	<b>4.878.539.787</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	27.000.000.000	27.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(27.770.847.656)	(37.121.460.213)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.305.379.131</b>	<b>4.856.189.988</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.305.379.131	4.856.189.988
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>682.205.071.667</b>	<b>712.621.520.950</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>428.151.947.353</b>	<b>502.591.529.451</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>424.088.689.656</b>	<b>499.292.585.370</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	63.257.415.767	73.436.138.916
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	476.801.530	790.003.865
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.716.557.426	2.372.007.604
4. Phải trả người lao động	314	V.17	10.306.873.991	10.508.176.230
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	17.506.041.990	14.039.364.274
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1.448.552.847	1.253.880.890
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	325.252.397.120	395.768.964.606
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.124.048.985	1.124.048.985
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.063.257.697</b>	<b>3.298.944.081</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	4.063.257.697	3.298.944.081
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15  
 TY  
 HỮU HỮU  
 TƯ VẤN  
 C  
 HỒ CHÍ MINH

525-C  
 Y  
 W  
 VG  
 CHI TIẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**


Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>254.053.124.314</b>	<b>210.029.991.499</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		254.053.124.314	210.029.991.499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	68.579.531.586	24.556.398.771
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.141.401.771	24.556.398.771
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		52.438.129.815	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>682.205.071.667</b>	<b>712.621.520.950</b>

  
Lê Kim Dung  
Người lập

  
Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Kế toán trưởng

  
Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	772.657.021.613	838.774.260.553
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		772.657.021.613	838.774.260.553
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	642.860.296.082	734.427.061.973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		129.796.725.531	104.347.198.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.362.356.434	17.356.358.184
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.207.852.024	28.004.578.205
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.878.375.611	14.567.720.682
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	22.169.886.666	27.013.708.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	41.639.746.980	37.261.504.966
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.141.596.295	29.423.765.447
11. Thu nhập khác	31	VI.7	87.749.600	357.121.797
12. Chi phí khác	32		20.126.092	65.544.528
13. Lợi nhuận khác	40		67.623.508	291.577.269
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.209.219.803	29.715.342.716
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.16	6.234.689.988	2.303.302.070
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.974.529.815</u>	<u>27.412.040.646</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8		

  
Lê Kim Dung  
Người lập

  
Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024  
  
Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.209.219.803	29.715.342.716
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	4.809.835.115	4.630.266.648
- Các khoản dự phòng	03	V.2c, V.7, V.8	(6.290.998.049)	(3.641.880.721)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(72.580.607)	2.975.017.119
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(10.756.807.623)	(9.576.101.471)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.878.375.611	14.567.720.682
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.777.044.250	38.670.364.973
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.743.449.054	(91.461.671.088)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.222.834.055	14.424.877.983
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.988.616.888)	33.563.829.835
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(25.975.782)	(218.708.700)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.4	(21.798.159.173)	(14.602.196.489)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(4.304.466.681)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21a	(536.400.000)	(540.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>54.089.708.835</b>	<b>(20.163.903.486)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.13	(3.975.207.003)	(2.991.482.846)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.7	148.500.000	363.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b, V.5	(29.713.192.369)	(10.575.688.461)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b, V.5	35.230.000.000	26.722.419.857
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	5.163.916.933	3.697.087.367
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.854.017.561</b>	<b>17.215.517.735</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG**


Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	691.858.410.622	756.847.092.586
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(762.348.972.002)	(691.864.589.280)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(2.429.556.984)	(2.494.442.877)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, V.21a	(8.124.724.500)	(3.412.013.381)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(81.044.842.864)</i>	<i>59.076.047.048</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(20.101.116.468)	56.127.661.297
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.452.741.809	8.155.905.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(31.920.594)	(1.830.825.452)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>42.319.704.747</u>	<u>62.452.741.809</u>

  
Lê Kim Dung  
Người lập

  
Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024



Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì; Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay của Công ty giảm so với năm trước chủ yếu là do số lượng đơn hàng giảm. Tuy nhiên do giá nguyên vật liệu đầu vào năm nay giảm so với năm trước cộng với việc tỷ giá ngoại tệ tăng và khoản hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính trong năm nay với số tiền là 9.350.612.557 VND đã làm cho lợi nhuận năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

#### 6. Cấu trúc Công ty

##### *Các Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 463 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 450 nhân viên).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Các giao dịch bằng ngoại tệ**  
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng trong lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị là 15 năm.

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

#### 16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán thành phẩm*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 17. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	20.501.742	206.865.749
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.299.203.005	62.245.876.060
Cộng	42.319.704.747	62.452.741.809

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm.

##### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2c. Đầu tư vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>(15.000.000.000)</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>(15.000.000.000)</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasummy <sup>(i)</sup>	15.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000	(15.000.000.000)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>(12.770.847.656)</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>(22.121.460.213)</b>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary <sup>(ii)</sup>	27.000.000.000	(12.770.847.656)	27.000.000.000	(22.121.460.213)
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>(27.770.847.656)</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>(37.121.460.213)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313053112 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 13 tháng 4 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasummy 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ 15.000.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 27.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ 27.000.000.000 VND.

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết**

Công ty con đang hoạt động kinh doanh tiếp tục bị lỗ, công ty liên kết đang hoạt động có lãi.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	37.121.460.213	38.769.084.762
Hoàn nhập dự phòng	(9.350.612.557)	(1.647.624.549)
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.770.847.656</b>	<b>37.121.460.213</b>

**Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Thực phẩm Dary</b>		
Bán nguyên liệu	32.511.940.420	56.024.427.138
Cho thuê máy móc	1.699.620.000	1.376.346.000
Cung cấp dịch vụ gia công	-	66.510.000
Thuê dịch vụ gia công	17.054.460.181	24.157.561.643
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	8.267.409.713	7.708.037.030
Mua nguyên vật liệu	43.448.503.346	21.879.285.006
Cho vay	-	7.250.000.000
Lãi cho vay	5.444.525.000	5.594.039.000
Cho mượn	-	2.450.000.000
Ký quỹ, ký cược	-	23.000.000.000
Bán tài sản cố định	-	45.000.000
Hàng bán trả lại	-	10.350.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy</i>		
Bán thành phẩm	20.160.020	20.790.017
Mua nguyên vật liệu	6.063.000	4.370.500

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>31.775.559.274</i>	<i>50.693.098.999</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	30.328.934.065	48.797.402.412
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	1.446.625.209	1.895.696.587
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>182.378.118.455</i>	<i>195.658.635.609</i>
Trangs UK Limited	79.578.296.627	88.106.362.571
Trangs Europe S.A.S	50.723.752.086	2.012.861.928
Trangs Group USA Incorporated	36.018.233.750	59.484.623.124
Trangs Europe B.V	-	21.905.718.942
Các khách hàng khác	16.057.835.992	24.149.069.044
<b>Cộng</b>	<b><u>214.153.677.729</u></b>	<b><u>246.351.734.608</u></b>

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.20).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp Omega	143.080.000	143.080.000
Mariox Trading	130.431.972	130.431.972
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam	110.000.000	110.000.000
Trại nuôi tôm Nguyễn Trọng Vinh	100.000.000	-
Công ty TNHH Smart Ingredients	-	242.563.680
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thực phẩm Việt An Toàn	-	623.400.000
Trại nuôi tôm Ngô Hồng Lâm	-	300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Chế biến Xuất khẩu Thủy sản	-	290.000.000
Các nhà cung cấp khác	247.405.405	436.817.556
<b>Cộng</b>	<b><u>730.917.377</u></b>	<b><u>2.276.293.208</u></b>

**5. Phải thu về cho vay dài hạn**

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 8%/năm và thời hạn vay 45 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	20.624.395.061	-	-	-
Lãi tiền gửi dự thu	1.142.272.354	-	1.000.979.245	-
Tạm ứng	685.000.000	-	2.050.377.605	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	7.000.000	-	34.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	112.692.918	-	17.999.855	-
<b>Cộng</b>	<b>22.571.360.333</b>	<b>-</b>	<b>3.103.356.705</b>	<b>-</b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>69.650.888.614</i>	<i>-</i>	<i>64.206.363.614</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary – Ký cược, ký quỹ dài hạn	49.470.040.724	-	49.470.040.724	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary – Lãi cho vay	20.180.847.890	-	14.736.322.890	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.579.666.431</i>	<i>-</i>	<i>996.156.104</i>	<i>-</i>
Các khoản ký quỹ dài hạn	1.021.780.479	-	598.223.982	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	557.885.952	-	397.932.122	-
<b>Cộng</b>	<b>71.230.555.045</b>	<b>-</b>	<b>65.202.519.718</b>	<b>-</b>

**7. Nợ quá hạn**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hải Lê – trả trước cho người bán	Trên 03 năm	68.750.000	-	Trên 03 năm	68.750.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội – trả trước cho người bán	Trên 03 năm	50.000.000	-	Trên 03 năm	50.000.000	-
Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam – trả trước cho người bán	Trên 03 năm	110.000.000	-	Trên 03 năm	-	-
Mariox Trading – trả trước cho người bán	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	130.431.972	39.129.592	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	130.431.972	65.215.986
<b>Cộng</b>		<b>359.181.972</b>	<b>39.129.592</b>		<b>249.181.972</b>	<b>65.215.986</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng khoản trả trước cho người bán quá hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	183.965.986	118.750.000
Trích lập dự phòng bổ sung	136.086.394	65.215.986
Số cuối năm	<u>320.052.380</u>	<u>183.965.986</u>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	737.094.633	-
Nguyên liệu, vật liệu	111.434.828.606	(2.923.528.114)	98.881.058.113	-
Công cụ, dụng cụ	2.829.663.519	-	2.629.132.099	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.434.844.041	-	12.865.313.373	-
Thành phẩm	7.540.024.030	-	15.343.777.533	-
Hàng hóa	-	-	5.818.500	-
<b>Cộng</b>	<u>126.239.360.196</u>	<u>(2.923.528.114)</u>	<u>130.462.194.251</u>	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	2.059.472.158
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	2.923.528.114	(2.059.472.158)
Số cuối năm	<u>2.923.528.114</u>	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20).

**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	439.418.324	799.995.540
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.322.387.244	1.385.023.389
<b>Cộng</b>	<u>2.761.805.568</u>	<u>2.185.018.929</u>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3.118.252.258	3.241.297.474
Công cụ, dụng cụ	467.843.064	847.742.966
Chi phí sửa chữa	190.869.133	994.142.966
Các chi phí trả trước dài hạn khác	528.414.676	332.158.222
<b>Cộng</b>	<u>4.305.379.131</u>	<u>4.856.189.988</u>

Toàn bộ quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.20).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.071.048.944	63.738.221.944	5.448.960.381	1.628.639.737	85.886.871.006
Mùa trong năm	-	1.212.900.000	121.000.000	264.358.000	1.598.258.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.350.030.825	1.022.060.369	-	-	2.372.091.194
Thanh lý, nhượng bán	-	(223.250.000)	-	-	(223.250.000)
Số cuối năm	<u>16.421.079.769</u>	<u>65.749.932.313</u>	<u>5.569.960.381</u>	<u>1.892.997.737</u>	<u>89.633.970.200</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.602.527.633	34.141.038.349	1.859.878.985	1.336.957.919	39.940.402.886
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.809.342.713	47.635.439.671	2.591.396.027	1.465.292.066	61.501.470.477
Khấu hao trong năm	631.101.228	3.005.532.096	449.923.570	68.731.123	4.155.288.017
Thanh lý, nhượng bán	-	(81.822.581)	-	-	(81.822.581)
Số cuối năm	<u>10.440.443.941</u>	<u>50.559.149.186</u>	<u>3.041.319.597</u>	<u>1.534.023.189</u>	<u>65.574.935.913</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>5.261.706.231</u>	<u>16.102.782.273</u>	<u>2.857.564.354</u>	<u>163.347.671</u>	<u>24.385.400.529</u>
Số cuối năm	<u>5.980.635.828</u>	<u>15.190.783.127</u>	<u>2.528.640.784</u>	<u>358.974.548</u>	<u>24.059.034.287</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.568.922.882 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Quận 1 (xem thuyết minh số V.20b).

**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	7.428.609.798	541.703.063	6.886.906.735
Thuê tài chính trong năm	3.603.625.000	-	-
Khấu hao trong năm	-	637.667.694	-
Số cuối năm	<u>11.032.234.798</u>	<u>1.179.370.757</u>	<u>9.852.864.041</u>

**12. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	481.350.800	385.700.872	95.649.928
Khấu hao trong năm	-	16.879.404	-
Số cuối năm	<u>481.350.800</u>	<u>402.580.276</u>	<u>78.770.524</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	366.030.800	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	948.168.956	(934.168.956)	(14.000.000)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	36.122.411	1.442.780.047	(1.437.922.238)	-	40.980.220
<b>Cộng</b>	<b>36.122.411</b>	<b>2.390.949.003</b>	<b>(2.372.091.194)</b>	<b>(14.000.000)</b>	<b>40.980.220</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>13.423.414.713</i>	<i>396.366.128</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	13.423.414.713	396.366.128
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>49.834.001.054</i>	<i>73.039.772.788</i>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khánh Hải	6.339.824.400	13.463.009.620
Các nhà cung cấp khác	43.494.176.654	59.576.763.168
<b>Cộng</b>	<b>63.257.415.767</b>	<b>73.436.138.916</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Culinova AS	476.801.530	-
Gray Mackenzie Retail Lebanon S.A.L	-	790.003.865
<b>Cộng</b>	<b>476.801.530</b>	<b>790.003.865</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	356.644	(356.644)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	63.894.486	(63.894.486)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	20.697.459	(20.697.459)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.303.302.070	6.234.689.988	(4.304.466.681)	4.233.525.377
Thuế thu nhập cá nhân	68.705.534	1.554.533.899	(1.140.207.384)	483.032.049
Các loại thuế khác	-	152.920.034	(152.920.034)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.372.007.604</b>	<b>8.027.092.510</b>	<b>(5.682.542.688)</b>	<b>4.716.557.426</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Kiểm trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.209.219.803	29.715.342.716
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	891.709.827	6.960.687.392
- Các khoản điều chỉnh giảm	(19.199.874.043)	(149.068.294)
Thu nhập chịu thuế	40.901.055.587	36.526.961.814
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(22.643.611.833)
Thu nhập tính thuế	40.901.055.587	13.883.349.981
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất 15%	38.933.714.813	9.467.358.538
- Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất 20%	1.967.340.774	4.415.991.443
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.180.211.117	2.776.669.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.946.685.740)	(473.367.926)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.164.611	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	6.234.689.988	2.303.302.070

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

#### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Classier Enterprises Pty Ltd – Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	16.658.324.008	13.086.769.607
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	847.717.982	952.594.667
Cộng	17.506.041.990	14.039.364.274



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	80.216.438	-
Các thành viên Hội đồng quản trị – Chi phí lãi vay phải trả	80.216.438	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.368.336.409	1.253.880.890
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	305.128.290	460.158.980
Cổ tức phải trả	1.063.208.119	772.935.619
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	20.786.291
<b>Cộng</b>	<b>1.448.552.847</b>	<b>1.253.880.890</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	8.200.000.000	7.200.000.000
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt <sup>(i)</sup>	8.200.000.000	7.200.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	317.052.397.120	388.568.964.606
Vay ngắn hạn ngân hàng	315.019.669.170	387.165.431.056
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú <sup>(ii)</sup></i>	75.027.498.245	81.233.373.450
<i>Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup></i>	72.270.047.500	78.187.463.361
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 <sup>(iv)</sup></i>	65.811.884.655	59.046.085.200
<i>Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Quận 1 <sup>(v)</sup></i>	36.297.934.472	55.761.445.320
<i>Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam <sup>(vi)</sup></i>	14.234.237.220	39.395.548.027
<i>Vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(vii)</sup></i>	18.163.390.870	34.306.161.906
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	33.214.676.208	39.235.353.792
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	160.000.000	160.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	160.000.000	160.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.20b)	1.872.727.950	1.243.533.550
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease</i>	629.194.400	-
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	1.243.533.550	1.243.533.550
<b>Cộng</b>	<b>325.252.397.120</b>	<b>395.768.964.606</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.2b và V.8).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ bất động sản tại Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 20, Lô A14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh của Công ty, bất động sản tại Căn hộ số A3419 tại tầng 41, thuộc Nhà Chung cư số A3, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Minh Nguyệt và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.8, V.9b, V.10 và VII.1a).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem các thuyết minh số V.2b, V.3, V.8 và V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Quận 1 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem các thuyết minh số V.2b) và toàn bộ quyền lợi phát sinh từ việc khai thác công trình nhà xưởng của Công ty TNHH Thực phẩm Dary hình thành trong tương lai tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	387.165.431.056	688.858.410.622	-	(760.188.972.002)	(815.200.506)	315.019.669.170
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.200.000.000	3.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	8.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	160.000.000	-	160.000.000	(160.000.000)	-	160.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.243.533.550	-	2.221.658.384	(1.592.463.984)	-	1.872.727.950
<b>Cộng</b>	<b>395.768.964.606</b>	<b>691.858.410.622</b>	<b>2.381.658.384</b>	<b>(763.941.435.986)</b>	<b>(815.200.506)</b>	<b>325.252.397.120</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	-	160.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	-	160.000.000
Nợ thuê tài chính	4.063.257.697	3.138.944.081
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	1.895.410.531	3.138.944.081
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease <sup>(iii)</sup>	2.167.847.166	-
<b>Cộng</b>	<u>4.063.257.697</u>	<u>3.298.944.081</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu KIA (xem thuyết minh V.10).
- (ii) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.01/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.02/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.03/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.04/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.07/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.02/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.03/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.04/CTTC ngày 28 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.05/CTTC ngày 29 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.06/CTTC ngày 27 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
- (iii) Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số B230212202 ngày 16 tháng 2 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số C230535302 ngày 30 tháng 5 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số B230215902 ngày 24 tháng 5 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.

Công ty có khả năng trả được khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
<b>Số cuối năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	160.000.000	160.000.000	-
Nợ thuê tài chính	5.935.985.647	1.872.727.950	4.063.257.697
<b>Cộng</b>	<b>6.095.985.647</b>	<b>2.032.727.950</b>	<b>4.063.257.697</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	320.000.000	160.000.000	160.000.000
Nợ thuê tài chính	4.382.477.631	1.243.533.550	3.138.944.081
<b>Cộng</b>	<b>4.702.477.631</b>	<b>1.403.533.550</b>	<b>3.298.944.081</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển	Số cuối năm
				sang vay và nợ ngắn hạn	
Vay dài hạn ngân hàng	160.000.000	-	-	(160.000.000)	-
Nợ thuê tài chính	3.138.944.081	3.983.065.000	(837.093.000)	(2.221.658.384)	4.063.257.697
<b>Cộng</b>	<b>3.298.944.081</b>	<b>3.983.065.000</b>	<b>(837.093.000)</b>	<b>(2.381.658.384)</b>	<b>4.063.257.697</b>

**20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	(2.315.241.875)	183.158.350.853
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	27.412.040.646	27.412.040.646
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm trước	-	-	(540.400.000)	(540.400.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>17.173.652.728</b>	<b>24.556.398.771</b>	<b>210.029.991.499</b>
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	24.556.398.771	210.029.991.499
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	52.974.529.815	52.974.529.815
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(8.414.997.000)	(8.414.997.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong năm nay	-	-	(536.400.000)	(536.400.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>17.173.652.728</b>	<b>68.579.531.586</b>	<b>254.053.124.314</b>

**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	37.061.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	53.764.940.000
<b>Cộng</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>168.299.940.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	22,02	37.061.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	31,95	62.739.940.000
<b>Cộng</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>100,00</b>	<b>168.299.940.000</b>

**21c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã trích thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023 từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 28 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 536.400.000 VND và chia cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/23/NQ/HĐQT-TFC ngày 20 tháng 10 năm 2023 với mức chi trả là 5%/mệnh giá (tương đương 500 VND/cổ phiếu).

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.469.764,92	2.221.466,02
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,88	4,88

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 (tháng 12 năm 2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	735.555.080.514	778.948.371.198
Doanh thu bán nguyên vật liệu	37.101.941.099	59.825.889.355
Cộng	<u>772.657.021.613</u>	<u>838.774.260.553</u>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết.

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	607.699.195.717	682.601.739.256
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	32.237.572.251	53.884.794.875
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	2.923.528.114	(2.059.472.158)
Cộng	<u>642.860.296.082</u>	<u>734.427.061.973</u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.305.210.042	3.631.713.999
Lãi tiền cho vay	5.444.525.000	5.594.039.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.540.040.785	8.130.605.185
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.580.607	-
Cộng	<u>17.362.356.434</u>	<u>17.356.358.184</u>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.878.375.611	14.567.720.682
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.156.500.929	11.793.026.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.975.017.119
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(9.350.612.557)	(1.647.624.549)
Chi phí lãi thuê tài chính	523.588.041	316.438.330
Cộng	<u>24.207.852.024</u>	<u>28.004.578.205</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.096.699.188	1.528.587.049
Chi phí vật liệu, bao bì	1.235.721.785	866.093.691
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	115.822.245	15.454.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.025.644	122.444.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.759.363.336	14.799.625.973
Các chi phí khác	6.804.254.468	9.681.502.261
<b>Cộng</b>	<b><u>22.169.886.666</u></b>	<b><u>27.013.708.146</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	29.409.720.472	26.479.158.100
Chi phí đồ dùng văn phòng	439.937.702	299.733.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	703.196.927	441.807.337
Thuế, phí và lệ phí	836.462.211	890.535.606
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	136.086.394	65.215.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.101.783.546	3.533.761.874
Các chi phí khác	4.012.559.728	5.551.292.797
<b>Cộng</b>	<b><u>41.639.746.980</u></b>	<b><u>37.261.504.966</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.072.581	350.348.472
Các khoản thu nhập khác	80.677.019	6.773.325
<b>Cộng</b>	<b><u>87.749.600</u></b>	<b><u>357.121.797</u></b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	477.604.419.806	527.879.273.861
Chi phí nhân công	131.475.212.669	137.068.424.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.809.835.115	4.630.266.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.925.290.670	36.825.020.293
Chi phí khác	12.707.407.263	17.749.614.795
<b>Cộng</b>	<b><u>667.522.165.523</u></b>	<b><u>724.152.600.565</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	Năm nay	Năm trước
Dĩ vay	3.000.000.000	9.515.000.000
Chi phí lãi vay	633.698.629	564.355.280

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Cam kết bảo lãnh*

Bà Nguyễn Minh Nguyệt dùng bất động sản tại Căn hộ số A3419 tại tầng 41, thuộc Nhà chung cư số A3, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và thửa đất 242, Lô A14B Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19 và V.20a.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

	Chức danh	Tổng thu nhập
Năm nay		
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	144.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.438.577.000
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Ông David Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	305.500.000
Bà Susan Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	79.800.000
Ông Trần Quang Phú	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Bà Kim Ngọc Nguyễn	Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	311.904.000
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	544.510.000
Cộng		<u>3.136.891.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức danh	Cộng thu nhập
Năm trước		
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.287.000.000
Ông Trương Văn Quang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.406.777.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên Hội đồng quản trị	468.612.000
Bà Susan Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	52.000.000
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị	78.000.000
Ông David Hồ	Thành viên Hội đồng quản trị	78.000.000
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên Hội đồng quản trị	78.000.000
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	78.000.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán	430.600.000
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát	299.279.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	10.800.000
Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên Ban Kiểm soát	85.137.000
Bà Nguyễn Bích Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	21.600.000
Bà Tô Lệ Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	353.624.500
<b>Cộng</b>		<b>4.727.429.500</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Công ty liên kết

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6b và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Thông tin về bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



*Handwritten signature in blue ink*

NGUYỄN MINH NGUYỆT

)  
)  
)